TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST Ngày: 30-01-2024 V/v tranh chấp "Ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**
2. Ông **Trần Văn Bé Ba**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Mỹ Xuyên -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thái Q,** sinh năm 1997; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Lăng 3, thị trấn Vàm Lg, huyện Gò Công Đ, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền (phần tài sản chung): **Nguyễn Ngọc Ph**, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: Số 41/4 Trần Hưng Đ, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Thanh H,** sinh năm 1996; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Phú 1, xã Tân Thuận B, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng:

+ Bà **Ngô Thị M**, sinh năm 1981; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Lăng 3, thị trấn Vàm L, huyện Gò Công Đ, tỉnh Tiền Giang.

+ **Nguyễn Thị Kim X**, sinh năm 2000; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Lăng 3, thị trấn Vàm L, huyện Gò Công Đ, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Thái Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 08/01/2023, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu 02 người sống hạnh phúc, nhưng do bản thân đi tàu biển nên thường xuyên xa nhà dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Đến ngày 01/11/2023 thì chị H tự ý bỏ nhà đi. Anh và gia đình đến nhà chị H xin hàn gắn tình cảm nhưng chị H cùng gia đình kiên quyết không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy không còn tình cảm với với chị H, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Hằng.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong lễ cưới, gia đình anh có cho vợ chồng một số vàng cưới, cụ thể:

- 01 đôi bông hột xoàn giá trị khoảng 12.000.000 đồng;

- 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 03 chỉ, giá trị khoảng 5.500.000 đồng x 3 = 16.500.000 đồng;

- 01 chiếc lắc vàng 24K trọng lượng 03 chỉ, giá trị khoảng 5.500.000 đồng x 3 = 16.500.000 đồng;

- 01 bộ vòng ximen vàng 18K trọng lượng 12 chỉ, giá trị khoảng 4.500.000 đồng x 12 = 54.000.000 đồng;

- 01 cặp nhẫn cưới vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, giá trị khoảng 4.500.000 đồng x 1 = 4.500.000 đồng;

Tổng giá trị số vàng cưới gia đình tôi đã cho chung 02 vợ chồng ước tính khoảng 103.500.000 đồng.

Ngoài ra, sau khi tổ chức đám cưới, tôi và chị Hằng đã dùng số tiền mừng cưới mua thêm:

- 01 đôi bông vàng 18K trọng lượng 04 phân, giá trị khoảng 4.500.000 đồng x 0,4 = 1.800.000 đồng;

- 01 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 04 phân giá trị khoảng 4.500.000 đồng x 0,4 = 1.800.000 đồng;

- 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 03 chỉ, giá trị khoảng 4.500.000 đồng x 3 = 13.500.000 đồng;

- 01 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ giá trị khoảng 4.500.000 đồng x 1 = 4.500.000 đồng;

Tổng giá trị số vàng cưới mua sau khi tổ chức lễ cưới là 21.600.000 đồng.

Tất cả số vàng trên do chị Hằng giữ. Nay yêu cầu chị Hg chi đôi giá trị số vàng. Xin nhận giá trị số tiền (103.500.000 đồng + 21.600.000 đồng) x ½ = 62.550.000 đồng.

+ Tại bản khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Về hôn nhân, con chung, nợ chung chị H đồng ý thống nhất với trình bày của anh Q, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Về tài sản chung: số vàng cưới chị H thống nhất lời trình bày của anh Q, số vàng trên có tổng giá trị 103.500.000 đồng.

Đối với số vàng sau khi 02 vợ chồng đám cưới có dùng tiền mừng cưới để mua thêm vàng, chị H nhớ khoảng 4.000.000 đồng - 5.000.000 đồng.

Hiện số vàng cưới chị đã bán hết, chỉ còn giữ 60.000.000 đồng. Nay chị H đồng ý trả cho anh Q số tiền 50.000.000 đồng. Nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền trên.

+ Người làm chứng bà Ngô Thị M và chị Nguyễn Thị Kim X trình bày:

Nguyễn Thị Thanh H cho rằng số vàng cưới đã bán để lo cho Mẹ chồng (bà M) là không đúng sự thật. Do bị bệnh hiểm nghèo được Nhà nước trợ cấp hàng tháng và được bảo hiểm 100% nên hci phí khám chữa bệnh không tốn tiền. Số tiền chi phí nuôi bệnh tại bệnh viện là do Ba của Q và Q đi biển gửi tiền về để lo. Ngày 01/11/2023 chị H tự ý bỏ nhà đi về mẹ ruột và đem theo hết số vàng cưới, sau đó có bán hay không thì gia đình không biết.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền (phần tài sản chung) của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung là tổng giá trị số vàng cưới mua sau khi tổ chức lễ cưới là 21.600.000 đồng. Yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H chia ½ giá trị tài sản chung (tính tròn) với số tiền là 50.000.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H đồng ý hoàn lại cho anh Q số tiền 50.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên, vì hoàn cảnh khó khăn không thể trả một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc tranh chấp ly hôn; bị đơn cư trú tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Anh Nguyễn Thái Q có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q.

[3] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền (phần tài sản chung) của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung. Xét việc rút một phần yêu cầu của chị Ph là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hôn nhân: Anh Q và chị Nguyễn Thị Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 08/01/2023, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu 02 người sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, do đó anh Q và chị H đều thống nhất ly hôn. Xét thấy anh Nguyễn Thái Q và chị Nguyễn Thị Thanh H chung sống vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thái Q và chị Nguyễn Thị Thanh H.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa anh Q và chị H không có con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh Q và chị H thống nhất và đồng ý chia đôi mỗi người một nữa tổng số vàng cưới được tặng cho và mua có tổng giá trị bằng tiền (tính tròn) là 100.000.000 đồng. Anh Q đồng ý nhận giá trị bằng tiền 50.000.000 đồng, giao toàn bộ số vàng cho chị H.

Chị H đồng ý chia cho anh Q số tiền 50.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết số tiền trên. Xét yêu cầu của chị H là không phù hợp với quy định của pháp luật, không được nguyên đơn đồng ý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về nợ chung: Anh Q và chị H đều xác định không có nợ ai, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ phân tích, nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Cần buộc chị H phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị bằng tiền cho anh Q với số tiền 50.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm và án phí chia tài sản chung; chị H phải chịu án phí chia tài sản chung. Theo quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thái Q và chị Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về tài sản chung:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút (số vàng mua sau khi tổ chức lễ cưới) với số tiền 21.600.000 đồng.

- Xác định tài sản chung của anh Nguyễn Thái Q và chị Nguyễn Thị Thanh H có giá trị là 100.000.000 đồng.

- Chia cho anh Nguyễn Thái Q ½ giá trị tài sản chung với số tiền 50.000.000 đồng.

- Chia cho chị Nguyễn Thị Thanh H ½ giá trị tài sản chung với số tiền 50.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thanh H là người quản lý toàn bộ số vàng trên nên có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Thái Q số tiền 50.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền sở hữu, sử dụng, quản lý số vàng cưới đượcc tặng cho trong thời kỳ hôn nhân.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Nguyễn Thái Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.500.000 đồng án phí chia tài sản chung. Anh Q đã nộp 1.864.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007066 và 0007067 ngày 30-11-2023 nên còn phải nộp tiếp 936.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 2.500.000 đồng án phí chia tài sản chung

4. về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo;
- UBND thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Phương